

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HS-ST
Ngày: 19/9/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Lê Đức Dũng.

+ Bà Lại Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trực - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa:

Ông Dương Văn Khánh- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2018/TLST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Huỳnh P, sinh năm: 1996 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: không. Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12. Dân tộc: kinh. Giới tính: nam. Tôn giáo: thiên chúa. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị H. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: không.

Về nhân thân:

+ Ngày 20/8/2014, bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Bản án số: 204/2014/HSST) đã được xóa án tích.

+ Ngày 13/7/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số: 74/2018/HSST).

Bị cáo P hiện đang bị tạm giam theo Quyết định tạm giam số: 59/2018/HSST-QĐTG ngày 13/7/2018 của Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai; Có mặt.

- Bị hại:

1) Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm: 1975 và chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1976. Cùng nơi cư trú: tổ 21, ấp B, xã Đ, huyện M, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

2) Chị Lê Thị H, sinh năm: 1969. Nơi cư trú: tổ 14, ấp 10, xã T, huyện M, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

3) Chị Chènh Cún L, sinh năm: 1986. Nơi cư trú: ấp H, xã B, huyện M, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1972. Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- *Người làm chứng:* Anh Lê Văn P (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua công tác khám nghiệm hiện trường, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Mỹ đã thu giữ nhiều dấu vết vân tay của đối tượng để lại. Ngày 26/3/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Mỹ đã tiến hành gửi mẫu dấu vết vân tay tra cứu tại Phòng PV27 Công an tỉnh Đồng Nai. Tại văn bản số 1736/PV27 ngày 03/5/2018 của Phòng hồ sơ Công an tỉnh Đồng Nai thông báo kết quả tra cứu dấu vết vân tay hiện trường. Kết quả tra cứu Hệ thống nhận dạng vân tay tự động (VAFIS) và hồ sơ tàng thư nghiệp vụ do Phòng PV27, Cục C53-BCA quản lý, nhận thấy: Dấu vết vân tay gửi tra cứu là của Nguyễn Huỳnh P, sinh năm: 1996, Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Quá trình điều tra xác định: Nguyễn Huỳnh P là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định. Để có tiền mua ma túy sử dụng, từ ngày 09/02/2018 đến ngày 22/3/2018 Nguyễn Huỳnh P đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn các xã Đ, T và xã B, huyện M, cụ thể:

Vụ thứ 1: Vào khoảng 14 giờ ngày 09/02/2018, P điều khiển xe mô tô, biển số: 60R2.7577 đi từ ngã 3 C, huyện L, tỉnh Đồng Nai đến khu vực xã Đ, huyện M, tỉnh Đồng Nai ý định tìm sơ hở của chủ sở hữu tài sản để trộm cắp tài sản, P mang theo một cái kéo màu đen, dài khoảng 35cm. Khi đến ấp B, xã Đ, huyện M thì phát hiện nhà anh Nguyễn Tiến D đóng cửa, không có người trông coi, P để xe mô tô bên ngoài rồi trèo qua tường rào đến cửa sau nhà anh D dùng kéo cắt một lỗ thủng khoảng 10cm, dùng tay tháo chốt cửa trong đột nhập vào nhà, P đi vào phòng ngủ thì thấy 01 rương nhôm, P dùng kéo cạy nắp rương rồi chiếm đoạt số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng và 01 nhẫn vàng 24K. Sau khi lấy trộm tài sản, P đến tiệm vàng “P” tại ấp C1, xã C, huyện L bán 01 nhẫn vàng 24K cho anh Lê Văn P được 2.800.000 (hai triệu tám trăm nghìn) đồng và đã tiêu xài hết.

Vụ thứ 2: Khoảng 09 giờ ngày 18/02/2018, Nguyễn Huỳnh P và tên P1 (không rõ nhân thân, lai lịch) rủ nhau đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài, P1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen (không rõ biển số) chở P đi từ hướng ngã ba Đ vào xã B, huyện M để trộm cắp tài sản, cả hai đi đến ấp H, xã B thì phát hiện nhà chị Chènh Cún L khóa cửa, không có người trông coi, P1 liền dừng xe lại và

đứng bên ngoài cánh giới, P đi vòng ra cửa sau nhà chị L dùng kéo (P lấy tại sau nhà chị L) cắt một lỗ thủng khoảng 10cm, dùng tay tháo chốt cửa trong đột nhập vào nhà thì thấy có cửa ngăn cách giữa nhà trên với nhà bếp, P tiếp tục dùng kéo cắt cửa tôn rồi mở chốt đi vào đến phòng ngủ thì thấy một tủ sắt, bên dưới tủ sắt có một hộc nhỏ được khóa bằng ổ khóa, P liền xuống nhà bếp lấy 01 con dao cán gỗ dài 12cm, lưỡi bằng kim loại, bản rộng 07cm, dài 22cm để phá ổ khóa nhưng không được, P dùng kéo cắt một lỗ ở hộc tủ rồi thò tay vào bên trong chiếm đoạt số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Sau đó P và tên P1 tẩu thoát về huyện L, chia nhau mỗi người 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng tiêu xài hết.

Vụ thứ 3: Khoảng 11 giờ ngày 22/3/2018, Nguyễn Huỳnh P và tên P1(không rõ nhân thân, lai lịch) tiếp tục rủ nhau đi trộm cắp tài sản, P1 sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen (không rõ biển số) chở P lưu thông hướng từ Ngã 3 C, huyện L vào khu vực xã T, huyện M để trộm cắp tài sản, khi đi P mang theo một cái kéo màu đen, dài khoảng 35cm, cả hai đến khu vực chợ Nông Trường 1 thuộc ấp 10, xã T, huyện M thì phát hiện nhà chị Lê Thị H đóng cửa, không có người trông coi, P1 liền dừng xe lại và đứng bên ngoài cánh giới cho P trèo tường rào vào phía sau nhà chị H, P dùng kéo cắt một lỗ thủng cửa sau khoảng 10cm rồi dùng tay tháo chốt cửa đột nhập vào nhà đến phòng ngủ, do cửa phòng được khóa ổ khóa nên P dùng kéo cạy hai tấm tôn cánh cửa rồi chui vào trong, P đến mở hộc tủ đầu giường thì thấy 01 cái bóp da, bên trong có số tiền 9.800.000 (chín triệu tám trăm nghìn) đồng, P chiếm đoạt số tiền trên rồi cùng tên P1 tẩu thoát, cả hai chia nhau tiêu xài hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 31/KL-HĐĐG ngày 19/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Cẩm Mỹ kết luận: 01 (một) nhẫn vàng có trọng lượng 01 chỉ, loại vàng 24k, có giá trị là 3.684.000 (ba triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn) đồng.

Tại Cáo trạng số: 47/CT-VKSCM ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ đã truy tố Nguyễn Huỳnh P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Huỳnh P về tội danh, khung hình phạt, điều luật áp dụng như bản Cáo trạng đã nêu đồng thời đề nghị;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh P mức án từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Huỳnh P bồi thường cho anh Nguyễn Tiến D, chị Nguyễn Thị L số tiền 7.100.000 (Bảy triệu một trăm nghìn) đồng; chị Chênh Cún L số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng và chị Lê Thị H số tiền 9.800.000 (Chín triệu tám trăm nghìn) đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Huỳnh P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã mô tả, bị cáo không có ý kiến gì khác. Về số tiền

chiếm đoạt của chị L, anh D; bị cáo P xác định số tiền bị cáo lấy trong rương nhôm chỉ có 2.000.000 (hai triệu) đồng, nhưng chị L khai số tiền bị mất là 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng và yêu cầu bị cáo phải trả số tiền trên, bị cáo chấp nhận và đồng ý trả cho chị L, anh D số tiền 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng và giá trị 01 chỉ vàng 24k là 3.600.000 (ba triệu sáu trăm nghìn) đồng trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc; đồng ý trả lại cho chị Chênh Cún L 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng; chị Lê Thị H 9.800.000 (chín triệu tám trăm nghìn) đồng.

Tại phiên tòa, bị hại anh Nguyễn Tiến D, chị Nguyễn Thị L khai nhận số tài sản bị mất trộm gồm: Số tiền 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng và 01 nhẫn vàng 01 chỉ vàng 24k, anh D và chị L yêu cầu bị cáo P phải có trách nhiệm trả lại cho anh, chị số tiền 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng và giá trị 01 chỉ vàng 24k là 3.600.000 (ba triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Tại phiên tòa chị Chênh Cún L vắng mặt, lời khai của chị L khai tài sản của chị bị mất là số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, chị yêu cầu bị cáo P phải có trách nhiệm trả lại cho chị số tiền trên.

Tại phiên tòa, bị hại chị Lê Thị H khai nhận số tiền bị mất là 9.800.000 (chín triệu tám trăm nghìn) đồng, chị yêu cầu bị cáo P phải có trách nhiệm trả lại cho chị số tiền trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H trình bày: Xe mô tô biển số: 60R2.7577 chủ sở hữu là của ông, ông có cho bị cáo P mượn xe sử dụng, ông không biết P sử dụng xe làm phương tiện phạm tội, ông yêu cầu được nhận lại xe để làm phương tiện đi lại. Giai đoạn điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Mỹ đã trả lại xe mô tô biển số: 60R2.7577 cho ông, ông không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Huỳnh P đã khai nhận vào ngày 09/02/2018, bị cáo có hành vi đột nhập vào nhà Nguyễn Tiến D, chị Nguyễn Thị L lén lút chiếm đoạt số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng và 01 nhẫn vàng 24k trị giá 3.684.000 (ba triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn) đồng; ngày 18/02/2018, bị cáo đột nhập vào nhà chị Chênh Cún L lén lút chiếm đoạt số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng; ngày 22/3/2018, bị cáo đột nhập vào nhà chị Lê Thị H lén lút chiếm đoạt số tiền 9.800.000 (chín triệu tám trăm nghìn) đồng. Tổng giá trị tài sản là 45.484.000 (bốn mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn) đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Huỳnh P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Huỳnh P phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như bản Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Huỳnh P thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng gây nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương.

Xuất phát từ động cơ tư lợi, bị cáo Nguyễn Huỳnh P đã chuyển dịch một cách trái pháp luật tài sản của người khác thành của mình, nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân, bị cáo đã thực hiện trót lọt tội phạm. Vì vậy, mức án bị cáo nhận lãnh phải thật nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Huỳnh P đã thực hiện 03 vụ trộm cắp là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Nguyễn Huỳnh P tại phiên tòa thành khẩn khai báo thuộc trường hợp quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với phần trình bày và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và có căn cứ pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với phần trình bày của bị cáo Nguyễn Huỳnh P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa. Về dân sự, bị cáo P đồng ý trả lại cho anh D, chị L số tiền 7.100.000 (bảy triệu một trăm nghìn) đồng; chị Lê Thị H số tiền 9.800.000 (chín triệu tám trăm nghìn) đồng; chị Chènh Cún L số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng thể hiện sự tự nguyện, không trái pháp luật nên ghi nhận.

Phần trình bày và yêu cầu trả lại tài sản bị mất của anh Nguyễn Tiến D, chị Nguyễn Thị L; chị Chènh Cún L và chị Lê Thị H là có căn cứ nên được chấp nhận.

Phần trình bày của ông Nguyễn Văn H về nguồn gốc xe mô tô, biển số: 60R2.7577 chủ sở hữu là của ông. Công an huyện Cẩm Mỹ đã xử lý giao trả lại cho ông H 01 xe mô tô, biển số: 60R2.7577 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với anh Lê Văn P là người đã mua tài sản (vàng) do bị cáo Nguyễn Huỳnh P mang bán, anh P không biết tài sản do phạm tội mà có. Việc anh P mua bán tài sản là ngay tình nên không phạm tội.

Trong vụ án, còn có tên P1 có hành vi cùng bị cáo P thực hiện hành vi phạm tội, hiện chưa xác định được lai lịch, địa chỉ. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Mỹ tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ xử lý sau.

[3] Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều đảm bảo, phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng Hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ.

[4] Biện pháp tư pháp:

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, bị cáo Nguyễn Huỳnh P phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho các bị hại cụ thể: Anh Nguyễn Tiến D, chị Nguyễn Thị L số tiền 7.100.000 (bảy triệu một trăm nghìn)

đồng; chị Lê Thị H số tiền 9.800.000 (chín triệu tám trăm nghìn) đồng; chị Chênh Cún L số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng;

- 01 cái kéo và 01 con dao cán bằng gỗ dài 12cm, lưỡi dao bằng kim loại, rộng 07cm, dài 22cm do bị cáo P lấy tại nhà chị L sử dụng vào việc phạm tội là tài sản của chị L. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo P đã vứt bỏ cái kéo trên đường tàu thoát nên không thu hồi được, chị L cũng không có yêu cầu bị cáo P phải bồi thường giá trị cái kéo nên không xem xét. Riêng con dao đã được thu hồi hoàn trả lại cho chị Chênh Cún L (BL: 97).

Đối với 02 cái kéo màu đen, dài khoảng 35cm là của bị cáo P sử dụng làm công cụ phạm tội. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo P đã vứt bỏ trên đường tàu thoát, không thu hồi được để xử lý.

[5] Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Huỳnh P phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.345.000 (hai triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Huỳnh P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Huỳnh P 02 (hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, bị cáo Nguyễn Huỳnh P phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho các bị hại cụ thể:

- Anh Nguyễn Tiến D, chị Nguyễn Thị L số tiền 7.100.000 (bảy triệu một trăm nghìn) đồng.

- Chị Lê Thị H số tiền 9.800.000 (chín triệu tám trăm nghìn) đồng.

- Chị Chênh Cún L số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng;

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Huỳnh P phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.345.000 (hai triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo định tại các Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh, huyện
- STP tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan THAHS CA huyện;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- Bị cáo;
- Dương sự;
- Lưu Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Cảnh

